

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Điện dân dụng****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
1	160694	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
2	160695	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	29/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
3	160696	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	20/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
4	160697	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	15/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
5	160698	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	09/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
6	160699	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	10/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
7	160700	TRẦN TIẾN ANH	Nam	01/09/2005	Vĩnh Phúc	6.50	9.00	8.38	Khá
8	160701	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	23/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
9	160702	LƯU THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	31/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
10	160703	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	10/05/2005	Vĩnh Phúc	6.50	9.00	8.38	Khá
11	160704	NGÔ XUÂN CHIẾN	Nam	13/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
12	160705	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	25/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
13	160706	ĐỖ THỊ CÚC	Nữ	03/12/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
14	160707	ĐỖ THÀNH DANH	Nam	17/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
15	160708	NGUYỄN DUY	Nam	20/02/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
16	160709	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	05/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
17	160710	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	Nam	21/09/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.00	8.75	Khá
18	160711	DƯƠNG MINH ĐỨC	Nam	14/10/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.00	8.75	Khá
19	160712	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	19/08/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.50	8.88	Khá
20	160713	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	11/09/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
21	160714	TRẦN TRỌNG HÂN	Nam	25/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
22	160715	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	17/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
23	160716	ĐÀM ĐỨC HIỆU	Nam	11/08/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.00	8.75	Khá
24	160717	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	12/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
25	160718	PHÙNG THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	09/01/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.50	9.00	Giỏi
26	160719	LÊ VĂN HÙNG	Nam	26/03/2005	Vĩnh Phúc	5.00	9.50	8.38	Khá
27	160720	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	16/08/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.50	9.00	Giỏi
28	160721	TRẦN TUẤN HÙNG	Nam	12/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
29	160722	VŨ NGỌC KIÊN	Nam	18/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
30	160723	BÙI THỊ LÀNH	Nữ	10/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
31	160724	ĐỖ QUANG LINH	Nam	04/10/2005	Vĩnh Phúc	6.00	9.50	8.63	Khá
32	160725	KIỀU THỊ THÙY LINH	Nữ	04/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16**

Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa thi ngày: 25/12/2022

Nghề: Điện dân dụng

Đơn vị: Trường THPT Tiên Thịnh

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
33	160726	LÊ HOÀNG LONG	Nam	07/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
34	160727	TRẦN QUỐC LƯƠNG	Nam	29/08/2005	Vĩnh Phúc	8.00	10.00	9.50	Giỏi
35	160728	ĐỖ DUY MẠNH	Nam	10/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
36	160729	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	23/10/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
37	160730	ĐỖ THỊ THÚY NGÀ	Nữ	27/01/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.00	8.75	Khá
38	160731	LÊ THỊ NGÂN	Nữ	22/04/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
39	160732	VŨ MINH NGỌC	Nam	30/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
40	160733	ĐỖ THỊ NHÀI	Nữ	03/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
41	160734	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	09/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
42	160735	ĐÀM QUANG NINH	Nam	26/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
43	160736	ĐỖ KIỀU PHONG	Nam	18/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
44	160737	NGUYỄN DUY PHONG	Nam	20/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
45	160738	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	25/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
46	160739	TRẦN NGỌC PHƯỢNG	Nữ	08/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
47	160740	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	11/08/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.50	8.88	Khá
48	160741	NGUYỄN VĂN QUYỀN	Nam	01/12/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.50	8.88	Khá
49	160742	NGUYỄN NHƯ' QUỲNH	Nam	14/01/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.50	9.00	Giỏi
50	160743	VŨ VĂN TAM	Nam	28/08/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
51	160744	NGUYỄN VĂN TÂM	Nam	15/02/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
52	160745	NGUYỄN KHẮC THÀNH	Nam	10/11/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
53	160746	PHÙNG QUANG THÀNH	Nam	29/06/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.50	9.00	Giỏi
54	160747	TRẦN HUYỀN THẨM	Nữ	23/03/2005	Vĩnh Phúc	8.00	10.00	9.50	Giỏi
55	160748	ĐỖ QUANG THẮNG	Nam	31/05/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
56	160749	ĐỖ VĂN THỊNH	Nam	31/07/2005	Vĩnh Phúc	4.00	9.50	8.13	Trung bình
57	160750	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	14/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
58	160751	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	01/05/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.50	9.00	Giỏi
59	160752	TẠ PHƯƠNG TRANG	Nữ	22/08/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
60	160753	BÙI ĐỨC TRỌNG	Nam	24/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
61	160754	LÊ VĂN TRỌNG	Nam	22/10/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
62	160755	ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	Nam	23/12/2005	Vĩnh Phúc	4.00	9.50	8.13	Trung bình
63	160756	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	Nam	13/07/2005	Vĩnh Phúc	6.00	10.00	9.00	Giỏi
64	160757	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	12/05/2005	Vĩnh Phúc	6.00	9.50	8.63	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Điện dân dụng****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
65	160758	HOÀNG QUÝ TUYẾN	Nam	13/09/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
66	160759	TRẦN ANH TÚ	Nam	25/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
67	160760	TRẦN TRỌNG TÙNG	Nam	21/06/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.50	9.13	Giỏi
68	160761	ĐỖ TRẦN CÔNG VINH	Nam	09/06/2005	Vĩnh Phúc	8.00	9.00	8.75	Khá
69	160762	LÊ CÔNG VINH	Nam	02/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
70	160763	ĐÀM THỊ XUÂN	Nữ	19/06/2005	Vĩnh Phúc	8.00	10.00	9.50	Giỏi

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 70 hs./.**NGƯỜI LẬP BẢNG****Lê Hồng Vũ***Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023***KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI****PHÓ CHỦ TỊCH****Phó Giám đốc
Phạm Xuân Tiến**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
1	161865	HOÀNG BÌNH AN	Nữ	15/12/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
2	161866	NGUYỄN VĂN AN	Nam	19/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
3	161867	ĐÀM ĐỨC ANH	Nam	07/10/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
4	161868	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	29/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
5	161869	LÊ ĐỨC ANH	Nam	10/05/2005	Thành Phố Hồ	9.00	9.50	9.38	Giỏi
6	161870	LÊ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	01/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
7	161871	LƯU THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
8	161872	LƯU TUẤN ANH	Nam	03/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
9	161873	NGÔ ĐỨC HOÀNG ANH	Nam	27/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
10	161874	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nữ	31/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
11	161875	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	03/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
12	161876	NGUYỄN HOÀNG LAN ANH	Nữ	11/02/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
13	161877	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	24/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
14	161878	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	13/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
15	161879	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	12/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
16	161880	PHẠM KIM ANH	Nữ	01/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
17	161881	TRẦN LAN ANH	Nữ	04/10/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
18	161882	ĐỖ HỒNG ÁNH	Nữ	19/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
19	161883	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	12/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
20	161884	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/11/2005	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
21	161885	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	29/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
22	161886	PHẠM NGUYỆT ÁNH	Nữ	08/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
23	161887	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	15/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
24	161888	LÊ VĂN CAO	Nam	21/09/2005	Bình Phước	9.00	9.00	9.00	Giỏi
25	161889	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	11/12/2005	Vĩnh Phúc	6.50	10.00	9.13	Giỏi
26	161890	NGUYỄN KHẮC CHIẾN	Nam	11/01/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.00	8.50	Khá
27	161891	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Nam	28/06/2005	Vĩnh Phúc	8.00	10.00	9.50	Giỏi
28	161892	ĐÀM THỊ KIM CHINH	Nữ	12/11/2005	Vĩnh Phúc	6.00	10.00	9.00	Giỏi
29	161893	LÊ THỊ KIỀU CHINH	Nữ	25/10/2005	Vĩnh Phúc	6.50	9.00	8.38	Khá
30	161894	LÊ THỊ KIM CHINH	Nữ	28/02/2005	Vĩnh Phúc	6.50	10.00	9.13	Giỏi
31	161895	NGUYỄN THỊ CHINH	Nữ	15/09/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
32	161896	NGUYỄN THỊ TUYẾT CHINH	Nữ	05/11/2005	Vĩnh Phúc	6.50	10.00	9.13	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
33	161897	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	Nữ	11/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
34	161898	PHÙNG THỊ CHÚC	Nữ	30/08/2005	Vĩnh Phúc	6.50	10.00	9.13	Giỏi
35	161899	ĐINH THÀNH CÔNG	Nam	08/09/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.00	8.63	Khá
36	161900	NGUYỄN THỊ CÚC	Nữ	25/01/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.00	8.50	Khá
37	161901	LƯU ĐÌNH CƯỜNG	Nam	11/04/2005	Vĩnh Phúc	7.00	10.00	9.25	Giỏi
38	161902	NGUYỄN THỊ DINH	Nữ	10/05/2005	Vĩnh Phúc	7.00	10.00	9.25	Giỏi
39	161903	HÀ THUY DỊU	Nữ	23/09/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
40	161904	ĐỖ THỊ THUY DUNG	Nữ	13/04/2005	Vĩnh Phúc	8.50	10.00	9.63	Giỏi
41	161905	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	04/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
42	161906	LƯU KHÁNH DUY	Nam	30/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
43	161907	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	06/03/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.00	8.50	Khá
44	161908	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	29/12/2005	Vĩnh Phúc	6.50	9.50	8.75	Khá
45	161909	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	10/08/2005	Vĩnh Phúc	7.50	9.00	8.63	Khá
46	161910	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	30/09/2005	Vĩnh Phúc	4.50	10.00	8.63	Trung bình
47	161911	ĐÀO MẠNH DŨNG	Nam	27/08/2005	Hà Tây	9.00	9.00	9.00	Giỏi
48	161912	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	04/07/2005	Vĩnh Phúc	8.00	10.00	9.50	Giỏi
49	161913	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	08/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
50	161914	TẠ VIỆT DŨNG	Nam	05/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
51	161915	TRẦN MẠNH DŨNG	Nam	04/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
52	161916	LÊ THUY DƯƠNG	Nữ	19/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
53	161917	LƯU THUY DƯƠNG	Nữ	08/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
54	161918	NGUYỄN HỮU DƯƠNG	Nam	18/09/2004	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
55	161919	PHÙNG MINH DƯƠNG	Nam	05/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
56	161920	ĐẶNG TIẾN DŨNG	Nam	31/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
57	161921	NGUYỄN THỊ THUY DƯƠNG	Nữ	13/11/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
58	161922	LÊ VĂN ĐẠI	Nam	07/03/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.00	9.13	Giỏi
59	161923	LƯU THÀNH ĐẠT	Nam	02/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
60	161924	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	06/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
61	161925	PHẠM ĐỨC ĐẠT	Nam	25/10/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
62	161926	VŨ VĂN ĐẠT	Nam	10/12/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
63	161927	ĐỖ TIẾN ĐẠT	Nam	23/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
64	161928	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	07/12/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
65	161929	TRẦN HẢI ĐĂNG	Nam	23/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
66	161930	LƯU VĂN ĐIỀU	Nam	04/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
67	161931	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Nam	16/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
68	161932	VŨ THÀNH ĐÔ	Nữ	25/01/2005	Lâm Đồng	10.00	9.50	9.63	Giỏi
69	161933	ĐỖ THỊ ĐÔNG	Nữ	20/10/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
70	161934	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	11/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
71	161935	ĐỖ CÔNG GIANG	Nam	12/02/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
72	161936	PHẠM THỊ GIANG	Nữ	22/03/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
73	161937	ĐOÀN NGỌC HÀ	Nữ	30/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
74	161938	NGUYỄN VĂN HÀ	Nam	09/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
75	161939	NGUYỄN CHÍ HÀO	Nam	04/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
76	161940	PHẠM ĐỨC HÁN	Nam	13/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
77	161941	TRẦN THỊ MINH HẰNG	Nữ	14/12/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
78	161942	LÊ VĂN HẢI	Nam	08/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
79	161943	LÊ QUANG HẢO	Nam	11/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
80	161944	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	20/11/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
81	161945	NGUYỄN THỊ BÍCH HẬU	Nữ	22/05/2005	Phú Thọ	10.00	10.00	10.0	Giỏi
82	161946	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	21/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
83	161947	HOÀNG TRỌNG HÀ	Nam	18/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
84	161948	TRẦN THỊ HẢI	Nữ	10/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
85	161949	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	27/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
86	161950	LÊ THỊ THU HIỀN	Nữ	11/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
87	161951	NGUYỄN LỆ HIỀN	Nữ	22/09/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
88	161952	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	02/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
89	161953	ĐẶNG XUÂN HIẾU	Nam	26/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
90	161954	LÊ MINH HIẾU	Nam	12/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
91	161955	NGUYỄN CHUNG HIẾU	Nam	18/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
92	161956	NGUYỄN MẠNH HIẾU	Nam	08/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
93	161957	VŨ MINH HIẾU	Nam	10/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
94	161958	ĐỖ DUY HIỆP	Nam	19/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
95	161959	NGUYỄN THẾ HIỆP	Nam	03/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
96	161960	ĐỖ VĂN HIỆU	Nữ	09/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
97	161961	TRƯƠNG MINH HOÀNG	Nam	04/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
98	161962	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	27/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
99	161963	LÊ VĂN HÒA	Nam	17/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
100	161964	NGUYỄN ĐỨC HÒA	Nam	17/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
101	161965	TRẦN KHÁNH HÒA	Nam	07/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
102	161966	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	27/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
103	161967	PHÙNG THỊ HUỆ	Nữ	27/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
104	161968	KIỀU GIA HUY	Nam	07/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
105	161969	LÊ QUANG HUY	Nam	21/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
106	161970	NGUYỄN MẠNH HUY	Nam	06/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
107	161971	NGUYỄN TIỀN HUY	Nam	03/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
108	161972	LÊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	29/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
109	161973	LÊ THỊ THU HUYỀN	Nữ	17/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
110	161974	MAI THU HUYỀN	Nữ	26/06/2005	Sơn La	10.00	10.00	10.0	Giỏi
111	161975	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	12/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
112	161976	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	16/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
113	161977	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	13/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
114	161978	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	01/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
115	161979	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	25/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
116	161980	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	01/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
117	161981	PHAN THỊ HUYỀN	Nữ	10/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
118	161982	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	28/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
119	161983	PHÙNG THỊ HUYỀN	Nữ	27/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
120	161984	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	22/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
121	161985	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	06/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
122	161986	TRỊNH THỊ THANH HUYỀN	Nữ	20/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
123	161987	TRƯƠNG NGỌC HUYỀN	Nữ	14/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
124	161988	ĐÀO THỊ HUYỀN	Nữ	01/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
125	161989	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	02/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
126	161990	NGUYỄN MINH HUYỀN	Nữ	01/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
127	161991	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
128	161992	VŨ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	02/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
129	161993	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	19/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
130	161994	TẠ QUỐC HÙNG	Nam	12/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
131	161995	HỒ THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	30/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
132	161996	LƯU THỊ THU HƯƠNG	Nữ	19/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
133	161997	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	24/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
134	161998	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	31/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
135	161999	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	27/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
136	162000	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
137	162001	TRƯƠNG THỊ THANH HƯỜNG	Nữ	12/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
138	162002	DƯƠNG THỊ MINH HƯỜNG	Nữ	07/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
139	162003	NGUYỄN QUANG HÙNG	Nam	27/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
140	162004	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	08/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
141	162005	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	05/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
142	162006	BÙI THỊ HƯỜNG	Nữ	22/07/2004	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
143	162007	LƯU NAM KHÁNH	Nam	29/06/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
144	162008	PHAN QUỐC KHÁNH	Nam	12/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
145	162009	TẠ VĂN KHÁNH	Nam	28/09/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
146	162010	TRẦN DUY KHÁNH	Nam	26/11/2005	Thành Phố Hồ	9.00	9.50	9.38	Giỏi
147	162011	TRƯƠNG GIA KHÔI	Nam	11/04/2005	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
148	162012	LÊ ĐỨC KIÊN	Nam	24/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
149	162013	NGUYỄN THỊ KIỀU	Nữ	06/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
150	162014	PHÙNG TUẤN KIẾT	Nam	22/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
151	162015	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	Nữ	31/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
152	162016	NGUYỄN THÚY LAN	Nữ	12/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
153	162017	TRẦN VĂN LÂM	Nam	08/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
154	162018	LƯU THỊ LIÊN	Nữ	08/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
155	162019	ĐINH DIỆU LINH	Nữ	09/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
156	162020	ĐỖ THUỶ LINH	Nữ	28/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
157	162021	LƯU NGỌC LINH	Nữ	13/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
158	162022	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	14/10/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
159	162023	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	06/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
160	162024	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	29/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI**

Khóa thi ngày: 25/12/2022

Nghề: Làm vườn**Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
161	162025	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	06/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
162	162026	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	28/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
163	162027	PHẠM HẢI LINH	Nam	11/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
164	162028	TẠ THÙY LINH	Nữ	08/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
165	162029	TRỊNH THỊ THÙY LINH	Nữ	07/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
166	162030	TRƯƠNG HOÀI LINH	Nữ	17/11/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
167	162031	BÙI DUY LONG	Nam	08/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
168	162032	ĐOÀN DUY LONG	Nam	04/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
169	162033	LÊ VIỆT LONG	Nam	11/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
170	162034	LƯU VĂN LONG	Nam	07/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
171	162035	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	07/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
172	162036	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	24/10/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
173	162037	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	08/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
174	162038	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	02/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
175	162039	PHAN VĂN LỘC	Nam	08/02/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
176	162040	NGUYỄN ĐỨC LỘC	Nam	08/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
177	162041	BÙI THỊ LUYẾN	Nữ	29/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
178	162042	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	18/11/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
179	162043	NGUYỄN THỊ KIM LUYẾN	Nữ	05/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
180	162044	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	Nữ	13/07/2005	Vĩnh Phúc	7.00	9.00	8.50	Khá
181	162045	PHÙNG VIỆT LƯƠNG	Nam	30/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
182	162046	TRẦN LÊ KHÁNH LY	Nữ	04/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
183	162047	TRỊNH KHÁNH LY	Nữ	02/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
184	162048	VŨ THỊ KHÁNH LY	Nữ	06/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
185	162049	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	Nữ	20/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
186	162050	NGUYỄN VIỆT MẠNH	Nam	10/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
187	162051	TRẦN VĂN MẠNH	Nam	03/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	9.00	Giỏi
188	162052	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	23/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
189	162053	TRƯƠNG THỊ MINH	Nữ	02/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
190	162054	ĐỖ THỊ TRẢ MY	Nữ	04/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
191	162055	LÊ HOÀNG NAM	Nam	06/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
192	162056	TẠ PHƯƠNG NAM	Nam	01/02/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI**

Khóa thi ngày: 25/12/2022

Nghề: Làm vườn**Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
193	162057	TRỊNH HOÀI NAM	Nam	19/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
194	162058	ĐẶNG THỊ NGÀ	Nữ	10/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
195	162059	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	Nữ	01/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
196	162060	ĐẶNG THÚY NGÁT	Nữ	25/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
197	162061	LÊ TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	11/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
198	162062	NGUYỄN THÚY NGÀ	Nữ	26/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
199	162063	TRẦN THỊ NGÂN	Nữ	06/09/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
200	162064	BÙI NHƯ NGỌC	Nam	17/05/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
201	162065	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	27/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
202	162066	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
203	162067	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	19/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
204	162068	LÊ VĂN NHÂN	Nam	21/09/2005	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
205	162069	LÊ ĐỨC NHẬT	Nam	09/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
206	162070	HOÀNG THỊ HOÀI NHI	Nữ	01/06/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
207	162071	LƯU THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	16/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
208	162072	NGUYỄN THỊ YẾN NHƯ	Nữ	16/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
209	162073	NGUYỄN THỊ LAN OANH	Nữ	09/08/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
210	162074	NGUYỄN THỊ VÂN OANH	Nữ	10/07/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
211	162075	PHÙNG THỊ KIM OANH	Nữ	05/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
212	162076	BÙI TRỌNG PHÚ	Nam	12/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
213	162077	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	19/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
214	162078	ĐINH THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	24/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
215	162079	HOÀNG THẾ PHƯƠNG	Nam	27/01/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
216	162080	LƯU THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	20/12/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
217	162081	TẠ XUÂN PHƯƠNG	Nữ	07/08/2005	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
218	162082	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
219	162083	LÊ HỒNG PHƯƠNG	Nam	07/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
220	162084	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	07/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
221	162085	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	16/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
222	162086	NGUYỄN ANH QUANG	Nam	08/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
223	162087	ĐẶNG MINH QUÂN	Nữ	04/01/2005	Vĩnh Phúc	9.50	9.50	9.50	Giỏi
224	162088	ĐỖ HỒNG QUÂN	Nam	05/11/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiên Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
225	162089	ĐỖ HỒNG QUÂN	Nam	21/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
226	162090	LÊ ANH QUÂN	Nam	19/06/2005	Vĩnh Phúc	8.50	10.00	9.63	Giỏi
227	162091	LÊ MẠNH QUÂN	Nữ	18/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
228	162092	LÊ MINH QUÂN	Nam	04/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
229	162093	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	09/01/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
230	162094	TRẦN NGỌC QUÂN	Nam	28/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
231	162095	NGUYỄN TIẾN QUÂN	Nam	30/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
232	162096	NGUYỄN VĂN QUÂN	Nam	10/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
233	162097	HOÀNG TRUNG QUỐC	Nam	01/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
234	162098	LÊ NGỌC QUYÊN	Nữ	08/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
235	162099	NGUYỄN KIM QUYÊN	Nam	08/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
236	162100	LÊ NHƯ' QUỲNH	Nữ	24/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
237	162101	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	02/10/2005	Nghệ An	10.00	10.00	10.0	Giỏi
238	162102	NGUYỄN NHƯ' QUỲNH	Nữ	31/05/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
239	162103	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Nữ	05/04/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
240	162104	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	01/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
241	162105	NGUYỄN THỊ VŨ QUỲNH	Nữ	16/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
242	162106	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	16/11/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
243	162107	NGUYỄN HOÀNG QUÝ	Nam	03/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
244	162108	ĐINH THÀNH SƠN	Nam	26/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
245	162109	NGÔ THÀNH SƠN	Nữ	15/10/2005	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
246	162110	PHAN VĂN SƠN	Nam	31/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
247	162111	TRẦN CÔNG SƠN	Nam	17/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
248	162112	NGÔ VĂN TÀI	Nữ	28/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
249	162113	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Nữ	04/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
250	162114	TRẦN VĂN TÂM	Nam	26/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
251	162115	LÊ MINH TÂN	Nam	03/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
252	162116	TRẦN THỊ THẨM	Nữ	09/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
253	162117	LÊ ANH THẮNG	Nam	13/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
254	162118	TRẦN THỊ THẢO	Nữ	30/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
255	162119	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	20/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
256	162120	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	24/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
257	162121	NGUYỄN THỊ THẨM	Nữ	25/07/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
258	162122	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	09/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
259	162123	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	12/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
260	162124	LÊ THỊ KIM THOA	Nữ	22/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
261	162125	LƯU ĐỨC THỌ	Nam	28/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
262	162126	ĐỖ THỊ XUÂN THU	Nữ	12/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
263	162127	LÊ THỊ THÙY	Nữ	12/09/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
264	162128	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY	Nữ	09/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
265	162129	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	24/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
266	162130	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	27/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
267	162131	NGUYỄN THỊ ANH THU'	Nữ	08/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
268	162132	SÁI VĂN TIẾN	Nam	24/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
269	162133	LÊ VĂN TIẾP	Nam	11/01/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
270	162134	NGUYỄN THỊ TOAN	Nữ	24/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
271	162135	LƯƠNG VĂN TOÁN	Nam	16/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.00	9.25	Giỏi
272	162136	NGUYỄN ĐỨC TOẢN	Nam	22/09/2003	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
273	162137	NGUYỄN KHIÊM TOÀN	Nam	11/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
274	162138	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	29/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
275	162139	ĐOÀN THU TRANG	Nữ	04/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
276	162140	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
277	162141	LƯU THỊ TRANG	Nữ	29/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
278	162142	LƯU THỊ NINH TRANG	Nữ	25/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
279	162143	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	22/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
280	162144	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	04/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
281	162145	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	17/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
282	162146	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	06/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
283	162147	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
284	162148	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	21/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
285	162149	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	19/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
286	162150	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	23/02/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
287	162151	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	11/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
288	162152	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Nữ	08/01/2005	Bắc Kạn	10.00	10.00	10.0	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16****Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập****BẢNG GHI ĐIỂM THI****Khóa thi ngày: 25/12/2022****Nghề: Làm vườn****Đơn vị: Trường THPT Tiến Thịnh**

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi			Xếp loại
						LT	TH	ĐTB	
289	162153	VŨ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	20/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
290	162154	TẠ ĐỨC TRỌNG	Nam	05/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
291	162155	LÊ VĂN TRƯỜNG	Nam	22/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
292	162156	NGUYỄN DANH TRƯỞNG	Nam	25/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
293	162157	LÊ VĂN TUẤN	Nam	10/12/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
294	162158	PHAN ANH TUẤN	Nam	08/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
295	162159	LÊ ÁNH TUYẾT	Nữ	13/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
296	162160	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	31/08/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
297	162161	ĐÀM ĐỨC TÚ	Nam	06/12/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
298	162162	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	18/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
299	162163	BÙI HỮU TUỐC	Nam	17/09/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
300	162164	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	Nữ	27/10/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
301	162165	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	09/03/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
302	162166	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	22/12/2005	Vĩnh Phúc	9.50	10.00	9.88	Giỏi
303	162167	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	Nữ	19/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
304	162168	NGUYỄN THU UYÊN	Nữ	04/11/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
305	162169	NGÔ TỔ UYÊN	Nữ	31/05/2005	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
306	162170	BÙI THỊ THẢO VÂN	Nữ	18/04/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
307	162171	HỒ THỊ HỒNG VÂN	Nữ	17/02/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
308	162172	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	19/06/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
309	162173	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	13/08/2005	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
310	162174	PHẠM TIẾN VƯỢNG	Nam	31/03/2005	Vĩnh Phúc	9.00	9.50	9.38	Giỏi
311	162175	NGUYỄN THỊ CẨM VY	Nữ	02/04/2005	Hà Nội	10.00	10.00	10.0	Giỏi
312	162176	PHAN THẾ VỸ	Nam	08/06/2005	Vĩnh Phúc	10.00	9.50	9.63	Giỏi
313	162177	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	15/07/2005	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.0	Giỏi
314	162178	TRẦN THỊ YẾN	Nữ	28/01/2005	Đắk Nông	10.00	10.00	10.0	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI NGHỀ PT SỐ 16

Cụm trưởng: Trường THPT Tự Lập

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa thi ngày: 25/12/2022

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Tiên Thịnh

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 314 hs./.

NGƯỜI LẬP BẢNG



Lê Hồng Vũ

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2023

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

PHÓ CHỦ TỊCH



**Phó Giám đốc
Phạm Xuân Tiên**